

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững ngành hàng sản
đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1115/QĐ-BNN-TT ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; trọng tâm là điều kiện đất đai, định hướng cơ cấu cây trồng,... đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Yêu cầu

Phát triển bền vững ngành hàng sản phải phù hợp với Đề án “Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nội dung kế hoạch đảm bảo kịp thời, hiệu lực, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành hàng sản ổn định, hiệu quả, bền vững; xây dựng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra giá trị kinh tế cao, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn; nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

- Sản lượng sản tươi cả tỉnh đạt khoảng 250-300 nghìn tấn; trong đó, sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol...) chiếm khoảng 85%;
- Diện tích trồng sản sử dụng giống đúng tiêu chuẩn chất lượng đạt 40-50%;
- Diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững đạt 50%;
- Kim ngạch xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản đạt 150-180 triệu USD.

b) Tầm nhìn đến năm 2050:

Ngành hàng sản của Quảng Ngãi tiếp tục phát triển bền vững, 70-80% diện tích trồng sản áp dụng quy trình canh tác bền vững, sản lượng sản tươi dùng để chế biến sâu một số sản phẩm (tinh bột, etanol...) chiếm trên 90%, kim ngạch xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản đạt khoảng 180-200 triệu USD.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển sản xuất sản

Đến năm 2030, diện tích trồng sản cả tỉnh khoảng 12-14 nghìn ha, sản lượng củ tươi đạt 250-300 nghìn tấn định hướng phân bố tại 2 vùng trọng điểm như sau: Vùng miền núi: diện tích trồng đạt 9-10 nghìn ha, tập trung tại các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Trà Bồng, Ba Tơ...; Vùng đồng bằng: diện tích trồng đạt 3-4 nghìn ha, tập trung tại các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Nghĩa Hành...;

2. Định hướng phát triển chế biến sản

Đến năm 2030, tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản (tinh bột, etanol...). Đồng thời, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu. Ưu tiên sử dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong chế biến sản để nâng cao chất lượng, sử dụng tối đa sản phẩm phụ, bảo vệ môi trường.

Đối với lĩnh vực chế biến sản, định hướng công suất chế biến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030: Tổng công suất chế biến đạt 250-300 nghìn tấn củ tươi/năm.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức sản xuất

Các huyện, thị xã, thành phố xác định quy mô vùng sản xuất sản tập trung phù hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan khác.

Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết; hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Tổ hợp tác; trọng tâm là hỗ trợ thành lập mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã sản xuất sản.

Căn cứ điều kiện thực tiễn, các doanh nghiệp liên kết với hộ gia đình trồng sản xây dựng vùng nguyên liệu; cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); chuyển giao khoa học công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

2. Về khoa học công nghệ

Nghiên cứu chọn tạo, nhập nội các giống sản mới có năng suất cao, hàm lượng tinh bột cao, có khả năng chống chịu với sinh vật gây hại như: khảm lá sản, chổi rồng, thối củ...

Nhân rộng và hoàn thiện hệ thống nhân giống sản theo 3 cấp (giống gốc/giống đầu dòng, giống cấp 1, giống cấp 2), tập trung giống sạch bệnh, giống mới có năng suất, chất lượng cao tại các địa phương để từng bước nâng cao tỷ lệ sử dụng giống sản đúng tiêu chuẩn chất lượng.

Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện và chuyển giao vào thực tiễn các quy trình kỹ thuật sản xuất sản theo hướng bền vững tại các vùng sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá các khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển sản,...

Nghiên cứu, chế tạo hoặc nhập khẩu công nghệ mới trong chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm từ sản. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ trong chế biến các sản phẩm từ sản để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

3. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Đối với thị trường quốc tế: Tiếp tục thực hiện các giải pháp giữ vững thị trường tiêu thụ sản hiện có; đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tháo gỡ rào cản thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm sản Quảng Ngãi được tiêu thụ rộng trên thị trường quốc tế.

Đối với thị trường trong nước: Ngoài việc khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ sản; các địa phương cần tiếp tục thu hút doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu để tăng chuỗi giá trị ngành hàng sản.

4. Về quản lý nhà nước

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển ngành hàng sản: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ

sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã... Đồng thời, nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới hỗ trợ phát triển ngành hàng sản: Áp dụng quy trình sản xuất sản bền vững, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, xử lý môi trường trong chế biến sản...

Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) để người trồng sản được sử dụng vật tư đúng chất lượng. Quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm trong quá trình trồng, chế biến sản.

5. Về đầu tư tăng cường năng lực

Thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng sản theo hướng xã hội hóa. Các hộ gia đình đầu tư trang thiết bị, ứng dụng cơ giới hoá trong quá trình canh tác, vận chuyển sản; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản,... Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất sản theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; cơ sở vật chất cho các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ; hạ tầng vùng sản xuất sản tập trung: giao thông, thủy lợi, điện,...; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản,...

6. Về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế với các nội dung chính: sử dụng các giống có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với một số sâu bệnh hại như khảm lá sản, rệp hồng...; xây dựng các quy trình kỹ thuật sản xuất sản bền vững; chuyển giao công nghệ, mua thiết bị sản xuất, chế biến sản; xúc tiến thương mại, tháo gỡ rào cản thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ sản,...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả; đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách phát triển ngành hàng sản.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại trên cây sản; triển khai thực hiện chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp; chỉ đạo, thực hiện tốt công tác kiểm dịch thực vật đối với giống sản nhập nội và kiểm dịch thực vật nội địa.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...).

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong trồng, chăm sóc phát triển vùng nguyên liệu sản tập trung trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ đề xuất các đề tài, dự án khoa học liên quan đến phát triển ngành hàng sản của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển cây sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm thủy sản (trong đó bao gồm các sản phẩm sản) của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối nguồn vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có) để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ sản; tiếp tục thu hút doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, nha đường gluco, mỳ ăn liền, thức ăn chăn nuôi,... sử dụng sản và tinh bột sản làm nguyên liệu để tăng chuỗi giá trị ngành hàng sản; hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đi vào hoạt động hoặc mở rộng quy mô hoạt động các nhà máy chế biến các sản phẩm từ sản và tinh bột sản trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách để tổ chức thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thương mại, xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm sản của tỉnh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch phát triển các vùng sản xuất sản tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung của Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

- Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch thực hiện. Chủ động bố trí kinh phí ngân sách huyện để thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hàng năm rà soát, hướng dẫn người sản xuất thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật sản xuất cây sắn đảm bảo hiệu quả kinh tế, ổn định sinh kế, đúng quy hoạch.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp... tham gia đầu tư phát triển cây sắn tại địa phương.

7. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch đến đông đảo các thành viên, hội viên; đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện; hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện (nếu có); cung cấp thông tin về thị trường sắn; chuyển giao khoa học công nghệ về sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sắn cho người sản xuất,...

8. Chế độ báo cáo: hàng năm (trước ngày 05/12) các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Công thương;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Cty CP Nông sản thực phẩm Q.Ngãi;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền